

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 395/TTr-SNV ngày 04 tháng 6 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Sơn La.

(có Quy chế kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình

giao thông; Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (*LD; phòng NC, KT, TH*);
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, NC, Hạng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh



**BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 09 / 06 /2024
của UBND tỉnh Sơn La)*

Chương I

VỊ TRÍ PHÁP LÝ

Điều 1. Tên gọi

1. Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông (*sau đây gọi tắt là Ban Quản lý dự án*)
2. Trụ sở giao dịch chính và nơi đăng ký hoạt động: Số 190, đường Nguyễn Lương Bằng, tổ 2, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.
2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông có con dấu riêng, có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và các Ngân hàng thương mại để giao dịch theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 3. Chức năng của ban quản lý dự án

1. Làm chủ đầu tư các dự xây dựng công trình giao thông và các dự án xây dựng khác do Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La giao; tư vấn quản lý dự án của các chủ đầu tư khác theo hợp đồng; tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức quản lý, giám sát các dự án do mình làm chủ đầu tư và tư vấn quản lý dự án theo hợp đồng các chủ đầu tư khác khi có đủ năng lực theo quy định của pháp luật; bàn giao công trình hoàn thành cho chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng;
3. Thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nhiệm vụ

Công tác chuẩn bị đầu tư: Tham mưu trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị đầu tư, đánh giá tác động môi trường (nếu có) và các công việc khác có liên quan; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án và các công việc chuẩn bị dự án khác theo quy định.

a) Lập kế hoạch dự án: Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao; tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án đảm bảo mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Công tác thực hiện dự án: Trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán theo quy định; phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị có chức năng thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và thu hồi, giao nhận đất để thực hiện các dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; quản lý tiến độ, chất lượng, chi phí xây dựng và giải ngân, thanh toán theo hợp đồng; giám sát thi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật; thực hiện các nội dung công việc khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

c) Công tác kết thúc xây dựng, bàn giao công trình để vận hành, sử dụng: Tổ chức nghiệm thu, vận hành chạy thử; bàn giao công trình hoàn thành; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình và xác định kết thúc thời gian bảo hành công trình.

d) Công tác quản lý tài chính và giải ngân: Tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban Quản lý dự án theo quy định; Quản lý các công trình dự án đã thi công hoàn thành chưa bàn giao cho đơn vị có chức năng nhiệm vụ quản lý khai thác sử dụng.

e) Công tác giám sát, đánh giá và báo cáo: Thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với Chủ tịch UBND tỉnh và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

f) Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng; thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án do người quyết định đầu tư, chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện.

g) Nhận quản lý dự án theo hợp đồng với các chủ đầu tư khác, phù hợp với năng lực hoạt động của mình theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và điểm 9, khoản 1, Điều 12, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

h) Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định với Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

i) Công tác hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình: Tổ chức văn phòng và quản lý nhân sự của Ban Quản lý dự án; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý; thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và lưu trữ thông tin; cung cấp thông tin và giải trình chính xác, kịp thời về hoạt động của Ban Quản lý dự án theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh và của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo qui định của pháp luật.

2. Quyền hạn

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính theo quy định của pháp luật.

b) Lập, quản lý dự án, tư vấn giám sát và thực hiện các nội dung công việc khác khi có đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật đối với dự án được giao làm chủ đầu tư; quản lý dự án theo hợp đồng với chủ đầu tư khác; Đề xuất phương án, giải pháp tổ chức quản lý dự án, kiến nghị với chủ đầu tư giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

c) Thuê tổ chức tư vấn tham gia quản lý dự án trong trường hợp cần thiết khi được người quyết định đầu tư, chủ đầu tư chấp thuận.

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin về quản lý dự án.

e) Lựa chọn, ký kết hợp đồng với các nhà thầu thực hiện dự án; tự thực hiện và sử dụng kinh phí của một số công việc trong thực hiện dự án đầu tư xây dựng khi có đủ điều kiện, năng lực.

f) Tổ chức lập, quản lý dự án đầu tư.

g) Được giao quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư một số dự án được giao từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến hoàn thành đưa công trình vào khai thác sử dụng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

h) Được thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công cho các chủ đầu tư khác nếu đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

i) Quản lý, tổ chức bộ máy, viên chức theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của UBND tỉnh. Quản lý tài sản được giao và tổ chức thực hiện quản lý tài chính, kế toán theo chế độ, nguyên tắc và quy định của pháp luật. Ký hợp

đồng thuê khoán công việc đối với cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện một số công việc.

k) Thực hiện các quyền hạn khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo qui định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC; QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy và số lượng người làm việc

1. Cơ cấu tổ chức

a) Ban giám đốc gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó giám đốc.

b) Các phòng chức năng, nghiệp vụ gồm:

- Văn phòng;
- Phòng Kế hoạch tài chính;
- Phòng Kỹ thuật;
- Phòng Quản lý dự án.

c) Trên cơ sở khối lượng công việc và khả năng cân đối kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án để triển khai nhiệm vụ, Ban Quản lý dự án được Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể phòng chuyên môn ngoài cơ cấu nêu trên khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Số lượng người làm việc

Số lượng người làm việc được xác định theo Đề án vị trí việc làm của Ban Quản lý dự án đảm bảo phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ được giao; việc xây dựng, phê duyệt đề án vị trí việc làm thực hiện theo quy định Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định liên quan.

Việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức và hợp đồng lao động của Ban Quản lý dự án thực hiện theo Đề án vị trí việc làm đã phê duyệt và quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Quyền hạn, trách nhiệm của Giám đốc Ban Quản lý dự án

1. Giám đốc Ban quản lý dự án là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Ban; Giám đốc Ban quản lý dự án do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm và miễn nhiệm, có trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh và trước pháp luật về quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban.

2. Phân công nhiệm vụ cho các Phó Giám đốc; tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật, cử đi đào

tạo các chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, viên chức và người lao động thuộc Ban quản lý dự án theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Ban Quản lý dự án. Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc và các quy định khác về hoạt động của Ban quản lý dự án.

4. Tổ chức, chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất (nếu có) của Ban Quản lý dự án, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác của các phòng chức năng, nghiệp vụ.

5. Ký các văn bản, hợp đồng xây dựng với các nhà thầu được lựa chọn, hợp đồng lao động đối với viên chức, người lao động của Ban Quản lý dự án.

6. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tình hình, kết quả hoạt động của Ban Quản lý dự án theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

7. Phối hợp với cấp ủy Đảng, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở các công tác: Sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự, quyết định các biện pháp quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức và người lao động thuộc quyền theo phân cấp của UBND tỉnh về quản lý viên chức và người lao động.

8. Giám đốc Ban Quản lý dự án thống nhất với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trước khi quyết định ban hành và tổ chức thực hiện: Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế trả lương; phối hợp tổ chức Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm theo quy định; giữ gìn đoàn kết nội bộ, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, tổ chức thực hiện các chế độ chính sách, chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của viên chức và người lao động trong Ban.

Điều 7. Quyền hạn, trách nhiệm của các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án

1. Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án; có trách nhiệm giúp Giám đốc Ban về một số hoạt động của Ban, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Được Giám đốc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể theo quy định

2. Phó Giám đốc Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể trong phạm vi được Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Được Giám đốc giao nhiệm vụ Giám đốc quản lý dự án khi cần.

3. Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Tham gia các cuộc họp, đề xuất hoặc kiến nghị về các giải pháp, biện pháp cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của Trưởng phòng, các phó trưởng phòng; Kế toán trưởng; viên chức, người lao động Ban quản lý dự án.

Thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án.

**Chương IV
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

Điều 9. Nguyên tắc, chế độ làm việc

1. Nguyên tắc làm việc

a) Ban Quản lý dự án hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách theo chế độ thủ trưởng; vừa đảm bảo trách nhiệm của tập thể, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân; mọi hoạt động của Ban tuân thủ chủ trương, đường lối, sự lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật, sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của viên chức và người lao động. Chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước UBND tỉnh.

b) Trong phân công nhiệm vụ, một tổ chức, cá nhân được giao nhiều việc, nhưng một việc chỉ giao cho một tổ chức, một người phụ trách chịu trách nhiệm chính. Công việc được giao cho phòng nào, thì trưởng phòng đó phải chịu trách nhiệm về công việc được giao.

c) Giải quyết công việc đúng phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền; tuân thủ trình tự, thủ tục và thời gian giải quyết công việc theo quy định của pháp luật; chủ động xử lý công việc trên cơ sở bàn bạc, trao đổi, tham khảo ý kiến đối với đơn vị, cá nhân có liên quan để quyết định và tự chịu trách nhiệm. Tăng cường hợp tác, phối hợp chặt chẽ giữa các phòng để hoàn thành tốt nhiệm vụ của Ban.

d) Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả trong công tác của đơn vị.

e) Mỗi cá nhân tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác.

f) Các nội dung khác thực hiện theo quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án.

2. Chế độ làm việc: Thực hiện theo quy định chung của nhà nước, mỗi ngày làm việc 8 giờ, mỗi tuần 40 giờ.

Điều 10. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Chế độ hội họp

a) Đối với UBND tỉnh: Tham gia các cuộc họp thường kỳ hoặc đột xuất theo giấy mời, triệu tập của UBND tỉnh;

b) Đối với các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố: Tham gia các cuộc họp theo giấy mời của các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành

phố; Chủ trì các cuộc họp liên ngành với các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị liên quan (khi cần thiết) theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

c) Đối với các nhà thầu: Khi cần thiết Ban Quản lý dự án tổ chức họp với các nhà thầu để đôn đốc tiến độ, chất lượng triển khai các dự án đầu tư xây dựng.

d) Hợp giao ban nội bộ của Ban Quản lý dự án: Hợp giao ban Ban Giám đốc hàng tháng, họp bàn giải quyết các công việc chuyên môn khi cần thiết do Giám đốc hoặc Phó giám đốc chủ trì họp theo phân công của Giám đốc.

2. Chế độ báo cáo

a) Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) Ban có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ với UBND tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan.

b) Đối với các phòng chuyên môn: Thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án.

Điều 11. Chế độ kiểm tra, giám sát

1. Chế độ kiểm tra, giám sát đối với dự án được giao quản lý: Thực hiện trên cơ sở các quy định của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng; những cam kết, điều khoản trong hợp đồng được ký giữa Ban với các nhà thầu.

2. Chế độ kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nội bộ Ban: Thực hiện theo nội quy, quy chế làm việc của Ban.

Điều 12. Chế độ phối hợp công tác

1. Giữa các phòng của Ban Quản lý dự án: Là mối quan hệ phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ chung của Ban; đảm bảo nguyên tắc đúng chức năng nhiệm vụ. Phòng được giao chủ trì chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung, phòng phối hợp chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu và tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ chung của cơ quan.

2. Giữa Ban với các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố: Là mối quan hệ phối hợp trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án. Ban Quản lý dự án có quyền đề nghị các cơ quan hữu quan của nhà nước công bố công khai các văn bản, quy định có liên quan đến công việc đầu tư xây dựng như quy hoạch, tài nguyên, bảo vệ di tích,... thuộc chức năng tổ chức quản lý các dự án thuộc lĩnh vực được giao.

3. Giữa Ban Quản lý dự án với tổ chức, cá nhân có liên quan: Ban chủ động liên hệ với các cơ quan đơn vị chức năng và chính quyền địa phương đề nghị phối hợp, hỗ trợ giải quyết công việc có liên quan đến tổ chức thực hiện dự án nhằm đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng.

Chương V **TÀI CHÍNH, TÀI SẢN**

Điều 13. Chế độ tài chính

1. Ban Quản lý dự án là đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.
2. Được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được mở tài khoản giao dịch tại các Ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án và các khoản thu khác từ hoạt động của Ban theo quy định pháp luật.
3. Có tổ chức bộ máy kế toán Ban theo quy định của Luật Kế toán, có trách nhiệm quản lý sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.
4. Hàng năm, Ban Quản lý dự án có trách nhiệm lập dự toán thu, chi và mở sổ kế toán theo dõi, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật; báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán hàng năm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Nguồn tài chính và sử dụng nguồn tài chính của Ban Quản lý dự án

Nguồn tài chính và sử dụng nguồn tài chính của Ban thực hiện theo quy định tại Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính về Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị

1. Tài sản, vật tư, trang thiết bị của Ban Quản lý dự án gồm: Nhà, đất, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị... phục vụ công tác chuyên môn phải được quản lý và sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiêm cấm việc cho thuê, mượn, biếu, tặng và sử dụng tài sản của Ban Quản lý dự án vào mục đích cá nhân.
2. Ban Quản lý dự án báo cáo UBND tỉnh về các tài sản được nhà thầu, nhà cung cấp bàn giao, tặng hoặc để lại cho Ban để quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật (nếu có).

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 16. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

1. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Trình UBND tỉnh phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

3. Trình UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt các nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ quản, chủ dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo, đề xuất và giải trình các nội dung cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Đối với các sở, ban ngành và chính quyền địa phương

1. Phối hợp thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị dự án, chuẩn bị xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện công tác bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi dự án có yêu cầu về thu hồi đất để xây dựng.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác quản lý hành chính, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn của cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án và bàn giao công trình vào khai thác, sử dụng.

5. Báo cáo, giải trình về tình hình thực hiện quản lý dự án khi được yêu cầu, về sự cố công trình, an toàn trong xây dựng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối với chủ đầu tư hợp đồng quản lý dự án, chủ quản lý sử dụng công trình

1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với chủ đầu tư ký hợp đồng quản lý dự án theo hợp đồng ký kết và theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với chủ quản lý sử dụng công trình khi lập, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây dựng và nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành vào vận hành, sử dụng (kể cả việc bảo hành công trình theo quy định).

3. Bàn giao công trình hoàn thành cho chủ đầu tư hoặc chủ quản lý sử dụng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; quản lý công trình xây dựng hoàn thành trong trường hợp chưa xác định được chủ quản lý sử dụng công trình hoặc theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

Điều 19. Đối với nhà thầu tư vấn, thi công xây dựng, phi tư vấn

1. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án do mình làm chủ đầu tư hoặc tư vấn quản lý dự án; đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng với nhà thầu tư vấn xây dựng, nhà thầu xây dựng và nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với nhà thầu theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, vướng mắc của nhà thầu trong quá trình thực hiện.

Chương VII **HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án có hiệu lực từ ngày ký; Ban Quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

2. Giám đốc Ban Quản lý dự án có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Ban; ban hành Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án phù hợp với Quy chế này.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý dự án trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Điều 21. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó. Trường hợp cần thiết điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, Giám đốc Ban Quản lý dự án có trách nhiệm đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.